

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC  
NAME OF AGENCY  
ORGANIZATION  
-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness  
-----

Số/No:.....

**BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐỐI VỚI HÀNG THỦY SẢN, SẢN PHẨM THỦY SẢN  
NHẬP KHẨU VÀO VIỆT NAM BẰNG ĐƯỜNG CÔNG TEN NƠ/ INSPECTION  
REPORT FOR FISH AND FISH PRODUCTION FROM CONTAINER(S)**

**I. THÔNG TIN CHUNG/GENERAL INFORMATION**

1. Quốc gia cảng/Port State:
2. Cơ quan tiến hành kiểm tra/Inspecting Authority:
3. Họ tên trưởng đoàn kiểm tra/Name of Principal Inspector:
4. Số công ten nơ/Number of container:
5. Số vận đơn/Bill of Lading number:
6. Số seal/Seal number:
7. Chủ hàng/Importer:

**II. KẾT QUẢ KIỂM TRA HỒ SƠ/DOCUMENTARY VERIFICATION RESULTS**

**1. Thông tin về tàu khai thác/Fishing vessel(s) information:**

| Số hiệu tàu trong RFMO (Tên, số IMO, Hồ hiệu)/ RFMO Vessel Identifier (Name, IMO number, International radio call sign) | Thuộc tổ chức quản lý nghề cá khu vực nào/ RFMO | Hiện trạng pháp lý của quốc gia mà tàu mang cờ/Flag State status | Tàu thuộc danh lục tàu được cấp phép/Vessel on authorized vessel list | Tàu thuộc danh lục tàu IUU/Vessel on IUU vessel list |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
|                                                                                                                         |                                                 |                                                                  | Có/Yes Không/No                                                       | Có/Yes Không/No                                      |
|                                                                                                                         |                                                 |                                                                  | Có/Yes Không/No                                                       | Có/Yes Không/No                                      |

**2. Thông tin về giấy phép khai thác/fishing license(s) information**

| Số/<br><i>Identifier</i> | Cơ quan<br>cấp/ <i>Issuing<br/>by</i> | Có giá<br>trị đến/<br><i>Validity</i> | (Các) khu<br>vực được<br>phép khai<br>thác/<br><i>Fishing<br/>areas</i> | Đối tượng<br>khai thác<br>(ghi rõ tên<br>khoa học)/<br><i>Fish species<br/>(Scientific<br/>names)</i> | Ngư cụ/<br><i>Fishing gear</i> | Khối lượng/<br><i>Catch<br/>quantity</i> |
|--------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------|
|                          |                                       |                                       |                                                                         |                                                                                                       |                                |                                          |

### 3. Thông tin về các giấy phép chuyển tải có liên quan/*Transshipment license(s) information*

| Số/ <i>Identifier</i> |  | Cơ quan cấp/<br><i>Issuing by</i> |  | Có giá trị đến/<br><i>Validity</i> |  |
|-----------------------|--|-----------------------------------|--|------------------------------------|--|
| Số/ <i>Identifier</i> |  | Cơ quan cấp/<br><i>Issuing by</i> |  | Có giá trị đến/<br><i>Validity</i> |  |
|                       |  |                                   |  |                                    |  |
|                       |  |                                   |  |                                    |  |

### 4. Kết luận kiểm tra hồ sơ/*Documentary Verification Results:*

Không phát hiện vi phạm tại thời điểm kiểm tra và khuyến nghị cho thông quan hàng hóa theo quy định/*No violations found at the time of the verification and recommended for customs clearance*

Thông tin khai báo hồ sơ chưa đạt yêu cầu hoặc lô hàng thủy sản có dấu hiệu được khai thác, chuyển tải bất hợp pháp, và khuyến nghị không cho thông quan/*Requirements not met or indicators of illegal, unreported, and unregulated fishing or transshipment found, and not recommended for customs clearance*

### III. KIỂM TRA THỰC TẾ<sup>1</sup>/*Container Physical Inspection*

|                                                                                                                                               |                  |                     |                  |                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------|------------------|------------------|
| 1. Cảng nơi tiến hành kiểm tra/<br><i>Port of Inspection</i>                                                                                  |                  |                     |                  |                  |
| 2. Thời gian bắt đầu kiểm tra/<br><i>Commencement of Inspection</i>                                                                           | Năm/ <i>Year</i> | Tháng/ <i>Month</i> | Ngày/ <i>Day</i> | Giờ/ <i>Hour</i> |
| 3. Thời gian kết thúc kiểm tra/<br><i>Completion of Inspection</i>                                                                            | Năm/ <i>Year</i> | Tháng/ <i>Month</i> | Ngày/ <i>Day</i> | Giờ/ <i>Hour</i> |
| 4. Đánh giá về loài khai thác và khối lượng được ước tính sau khi mở công ten nơ kiểm tra/<br><i>Evaluation of offloaded catch (quantity)</i> |                  |                     |                  |                  |

| <b>Người nhập<br/>khẩu/Importer<br/>s</b> | <b>Loài khai thác<br/>được khai báo<br/>(ghi rõ tên khoa<br/>học)/Species,<br/>scientific name</b> | <b>Loài thực tế<br/>trong công<br/>ten nơ (ghi rõ<br/>tên khoa<br/>học)/Product<br/>form</b> | <b>(Các) khu<br/>vực đánh<br/>bắt/Catch<br/>areas</b> | <b>Khối<br/>lượng<br/>khai báo/<br/>Declared<br/>quantity</b> | <b>Khối lượng ước<br/>tính sau khi mở<br/>công ten nơ để<br/>kiểm tra/<br/>Estimated quantity<br/>after opening the<br/>container</b> |
|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| .....                                     |                                                                                                    |                                                                                              |                                                       |                                                               |                                                                                                                                       |
| .....                                     |                                                                                                    |                                                                                              |                                                       |                                                               |                                                                                                                                       |

**5. Những phát hiện khác của kiểm tra viên (nếu có)/Other findings by the inspector(s) (if any):** .....

#### **6. Kết luận kiểm tra/Inspection Results**

Không phát hiện vi phạm tại thời điểm kiểm tra/*No violations found at the time of the inspection*

Lô hàng được xác định là bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định khi thuộc một trong các trường hợp sau đây/*Fish and fisheries products are determined to be illegal, unreported and unregulated when it falls into one of the following cases:*

- Thủy sản, sản phẩm thủy sản được khai thác bằng tàu không có giấy phép hoặc giấy phép không hợp lệ hoặc không có giá trị theo quy định của quốc gia mà tàu đó mang cờ hoặc của quốc gia ven biển có thẩm quyền/*Fish and fisheries products are fished by vessels without licenses or with invalid licenses according to the regulations of the Flag State of the vessel or the competent coastal State;*
- Thủy sản, sản phẩm thủy sản được vận chuyển, chuyển tải bằng tàu không có giấy phép hoặc giấy phép không hợp lệ hoặc không có giá trị theo quy định của quốc gia mà tàu đó mang cờ hoặc của quốc gia ven biển có thẩm quyền/*Fish and fisheries products are transported or transshipped by vessels without licenses or with invalid licenses according to the regulations of the Flag State of the vessel or the competent coastal State;*
- Thủy sản, sản phẩm thủy sản được khai thác bằng tàu không có giấy phép hoặc giấy phép không hợp lệ hoặc không có giá trị trong vùng nước thẩm quyền của tổ chức quản lý nghề cá khu vực/*Fish and fisheries products are fished by vessels without licenses or with invalid licenses within the competent waters area of the regional fisheries management organization;*
- Thủy sản, sản phẩm thủy sản được vận chuyển, chuyển tải bằng tàu không có giấy phép hoặc giấy phép không hợp lệ hoặc không có giá trị trong vùng nước thẩm quyền của tổ chức quản lý nghề cá khu vực/*Fish and fisheries products are transported or transshipped by vessels without licenses or with invalid licenses within the competent waters area of the regional fisheries management organization;*

- Có chứng cứ thủy sản, sản phẩm thủy sản trên tàu được khai thác vượt quá hạn ngạch cho phép của quốc gia ven biển có thẩm quyền hoặc của tổ chức quản lý nghề cá khu vực/*There is evidence that fish and fisheries products on board are exploited in excess of the quota allowed by the competent coastal State or the regional fisheries management organization;*

- Có chứng cứ thủy sản, sản phẩm thủy sản trên tàu được khai thác trái với quy định của quốc gia ven biển có thẩm quyền hoặc trái với quy định về biện pháp quản lý và bảo tồn trong vùng nước thẩm quyền của tổ chức quản lý nghề cá khu vực hoặc có chứng cứ xác định tàu thực hiện hoặc hỗ trợ khai thác thủy sản bất hợp pháp theo quy định tại Điều 60 Luật Thủy sản/*There is evidence that fish and fisheries products on board are exploited contrary to the regulations of the competent coastal State or contrary to regulations on conservation and management measures in the competent area of the regional fisheries management organization or there is evidence that the vessel conducted or supported illegal fishing as prescribed in Article 60 of the Fisheries Law;*

- Thủy sản, sản phẩm thủy sản được khai thác bằng tàu nằm trong danh sách IUU của quốc gia mà tàu đó mang cờ hoặc của quốc gia ven biển có thẩm quyền hoặc của tổ chức quản lý nghề cá khu vực/*Fish and fisheries products exploited by vessels on the IUU list of the Flag State or of the competent coastal State or of the regional fisheries management organization.*

## **7. Kiến nghị của người kiểm tra/*Recommendations of Inspector(s)***

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông/*Competent agencies of the Ministry of Agriculture and Rural Development are requested to:*

Thông báo chủ hàng, cơ quan Hải quan để tiến hành thủ tục thông quan lô hàng nhập khẩu theo quy định nếu kết quả kiểm tra thực tế đạt yêu cầu/*Notify the importer and the Customs authority to proceed with customs clearance procedures for the imported fish and fisheries products according to regulations if the actual inspection results meet the requirements.*

Thông báo tới chủ hàng, cơ quan Hải quan cửa khẩu và các cơ quan liên quan không thông quan lô hàng đồng thời tiến hành xử lý lô hàng theo quy định của pháp luật nếu lô hàng được xác định là bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định/*Notify the importer, Customs Authority and relevant agencies not to implement custom clearance of the fish and fisheries products and handle the consignment according to the provisions of law and regulations if the fish and fisheries products are determined to be illegal, unreported and unregulated.*

Biên bản được lập thành .... bên .... giữ .... bản, bên .... giữ .... bản, có giá trị pháp lý như nhau/

*.....on..... hold ..... copies, parties.... keep..... copies, have the same legal value.*

....., ngày/date ...  
tháng/month...năm/year...  
**CHỦ HÀNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)  
**IMPORTER**  
(Signature, full name, seal (If any))

....., ngày/date ... tháng/month...năm/year...  
**NGƯỜI KIỂM TRA**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)  
**INSPECTOR**  
(Signature, full name, seal (If any))

---

<sup>1</sup> Nội dung này chỉ thực hiện đối với trường hợp có dấu hiệu lô thủy sản nhập khẩu được khai thác, chuyển tải bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định theo thông tin, hồ sơ khai báo khi nhập khẩu.